

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1956

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969

2. Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1989

3. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1990

4. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1994

5. Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2011

6. Cháu Nguyễn Ngũ P, sinh năm 2012.

Cùng trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962

8. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1976

9. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1954

10. Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1970

Cùng trú tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

11. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

12. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968

Trú tại: Xóm B, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

13. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1973

Trú tại: Đường N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội.

14. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950

Trú tại: Tổ 26, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

15. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1958

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống:

Cụ Nguyễn Văn C2 đã chết và vợ là cụ Nguyễn Thị S1 đã chết sinh được 04 người con gồm:

1. Cụ Nguyễn Văn M, sinh năm 1917 chết năm 1983 không có vợ con

2. Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1919 chết năm 1944

3. Cụ Nguyễn Thị C3, sinh năm 1922 chết năm 2012

4. Cụ Nguyễn Ngọc H5, sinh năm 1928 chết năm 1972.

Bà Nguyễn Thị C3 có chồng là Nguyễn Văn N3 chết năm 1986 có 06 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1947 chết năm 2018 có chồng là Nguyễn Văn D chết năm 2019. Bà T2 và ông D có 05 người con gồm: Nguyễn Thị H2,

sinh năm 1968, Nguyễn Thị H7, sinh năm 1970, Nguyễn Thị N2 sinh năm 1973, Nguyễn Thị N1, sinh năm 1976, Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950
3. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1953
4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956
5. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1958
6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961.

2.2. Về tài sản:

Cụ Nguyễn Văn M để lại tài sản là hai thửa đất đang do ông Nguyễn Ngọc S là con của ông Nguyễn Ngọc H5 quản lý, sử dụng từ sau khi cụ Nguyễn Văn M chết năm 1983 cụ thể như sau:

- Thửa đất số 25, tờ bản đồ P 8, diện tích $2.109m^2$ (hiện trạng $2.183,6m^2$);
- Thửa đất số 32, tờ bản đồ P 8, diện tích $975m^2$ (hiện trạng $1.188,8m^2$).

Tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.3. Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

2.3.1. Ông Nguyễn Ngọc S được quyền quản lý sử dụng toàn bộ 02 thửa đất:

- Thửa đất số 25, tờ bản đồ P 8, diện tích $2.109m^2$ (hiện trạng $2.183,6m^2$);
- Thửa đất số 32, tờ bản đồ P 8, diện tích $975m^2$ (hiện trạng $1.188,8m^2$).

Tại: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

2.3.2. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai theo quyết định của Tòa án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Nguyễn Ngọc S là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Gia Lâm, t/p Hà Nội;
- Chi Cục THADS huyện G, t/p Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng